

CÁN CÂN THƯƠNG MẠI HÀNG HOÁ CỦA VIỆT NAM SAU KHI GIA NHẬP WTO: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Hoàng Hương Giang

Viện Thương mại và Kinh tế Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: hoanghuonggiangneu@yahoo.com

Ngày nhận: 8/8/2016

Ngày nhận bản sửa: 15/9/2016

Ngày duyệt đăng: 5/10/2016

Tóm tắt:

Sau khi trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Việt Nam luôn trong tình trạng thâm hụt cán cân thương mại trong một thời gian dài. Đặc biệt hai năm 2008 - 2009 do việc thực hiện lộ trình cam kết WTO giảm thuế đối với một số mặt hàng nên mức độ thâm hụt cán cân thương mại rất cao, về cả giá trị tuyệt đối và tỷ trọng trong tổng giá trị xuất nhập khẩu của nền kinh tế. Nhưng từ năm 2012 đến 2014 cán cân thương mại thặng dư, sau đó năm 2015 lại bị thâm hụt. Ở hai thị trường ASEAN và Trung Quốc, mức độ thâm hụt thương mại rất cao trong khi chúng ta luôn thặng dư thương mại ở thị trường Hoa Kỳ và EU. Để giải quyết những tồn tại này, các giải pháp đưa ra bao gồm điều chỉnh tỷ giá thúc đẩy xuất khẩu, đẩy mạnh tái cơ cấu sản xuất trong nước cũng như vận dụng linh hoạt các cam kết hội nhập để bảo vệ thị trường nội địa.

Từ khóa: Thâm hụt cán cân thương mại hàng hoá, WTO, Việt Nam.

Vietnam's commodity trade balance after being a member of WTO: Practice and solutions

Abstract:

After becoming a member of WTO, Vietnam has had to face with commodity trade deficit. Especially in the period 2008 - 2009, the trade deficit was seriously high in both its absolute and comparative values when Vietnam implemented the commitment of reducing tariff schedule. There was a three - year trade surplus (2012 - 2014) prior to a new period of trade deficit since 2015. The economy suffered the extremely high commodity trade deficit in ASEAN and China markets, in contrast with United State and EU markets. To solve these persistent problems, the author gives some key solutions such as regulating exchange rate to foster export, speeding up production restructure as well as applying integration commitment flexibly to protect domestic market.

Key words: commodity trade deficit, WTO, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Thâm hụt cán cân thương mại hàng hoá được hiểu là giá trị nhập khẩu lớn hơn giá trị xuất khẩu (hàng hoá), nếu diễn ra liên tục tác động tới dự trữ và tăng trưởng của nền kinh tế trong dài hạn. Bộ Công Thương cùng với các tổ chức tài chính, kinh tế quốc tế như WB, IMF định kỳ có những đánh giá về tình trạng thâm hụt cán cân thương mại hàng hoá của Việt Nam. Mục tiêu của tác giả là tìm ra những yếu tố cơ bản dẫn tới thâm hụt cán cân thương mại

hàng hoá Việt Nam trong thời gian qua. Những phân tích về nguyên nhân dẫn tới thâm hụt cán cân thương mại sẽ là cơ sở quan trọng để xây dựng một số giải pháp khắc phục tình trạng thâm hụt cán cân thương mại nhằm tránh tác động tiêu cực tới tăng trưởng và tích lũy của nền kinh tế trong dài hạn.

2. Biến động kinh tế thế giới và trong nước sau khi Việt Nam gia nhập WTO

Ngay sau khi là thành viên của WTO, Việt Nam phải đối mặt với khủng hoảng tài chính toàn cầu

chấm dứt một thời kỳ dài tăng trưởng cao và liên tục của nền kinh tế thế giới. Bắt đầu từ sự sụp đổ của thị trường nhà đất Hoa Kỳ sau đó lan sang thị trường chứng khoán phái sinh, ảnh hưởng tới các khoản cho vay bất động sản của ngân hàng thương mại. Hệ quả là một loạt các ngân hàng Hoa Kỳ và nhiều nước phương Tây phá sản hoặc phải nhận trợ giúp từ chính phủ. Ngân hàng Trung ương Hoa Kỳ, Nhật Bản và ECB liên tục cắt giảm lãi suất và đưa ra các gói nới lỏng định lượng (QE) để kích thích kinh tế, lạm phát tăng cao trên quy mô toàn cầu. Tuy nhiên, đến nay một số quốc gia như Hy Lạp vẫn phải đối phó với những khó khăn mang tính nội tại để có thể thoát ra khỏi khủng hoảng một cách bền vững.

Do mở cửa hội nhập với nền kinh tế thế giới nên Việt Nam cũng chịu tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Năm 2007 nền kinh tế đón nhận các nguồn vốn nước ngoài chảy vào ồ ạt, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính và bất động sản, khiến cho thị trường phát triển quá nóng và có dấu hiệu thị trường bong bóng. Đến cuối năm 2007 và đầu năm 2008, thị trường bất động sản và thị trường chứng khoán trong nước lao dốc, đe dọa tính thanh khoản của các ngân hàng vốn đã mở rộng cho vay quá nhiều vào chứng khoán và bất động sản. Nửa đầu năm 2008, lạm phát trong nước tăng cao do tác động của giá nhiên liệu thế giới leo thang và có những dấu hiệu không kiểm soát được. Lãi suất cho vay quá cao, có lúc lên tới 21%, tính thanh khoản của hệ thống kém khiến cho việc tiếp cận với nguồn vốn vay của các công ty gặp nhiều khó khăn. Tăng trưởng GDP năm 2008 chỉ đạt được 5,66% giảm sâu so với mục tiêu từ hơn 9% đặt ra vào đầu năm. Mặc dù chưa rơi vào suy thoái, nhưng tốc độ tăng trưởng GDP suy giảm, nhập siêu lớn cùng với khả năng các nhà đầu tư nước ngoài rút vốn khiến nền kinh tế Việt Nam bộc lộ nhiều nguy cơ tiềm ẩn.

Năm 2011 nền kinh tế có nguy cơ tái lạm phát cao và chịu tác động bất lợi của tình hình kinh tế thế giới, nên mục tiêu tăng trưởng đã phải hy sinh cho mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt và chính sách tiền tệ chặt chẽ nhằm giảm tổng cầu kinh tế (Chính phủ, 2011). Ở thời điểm này, các nhà lập chính sách và quản lý quan tâm nhiều đến vấn đề hy sinh tăng trưởng để ổn định vĩ mô. Tác động của chính sách này dẫn tới giai đoạn 2011- 2013 nền kinh tế rơi vào trì trệ, tăng trưởng dưới tiềm năng và mục tiêu quan trọng nhất của chính sách kinh tế là

ổn định vĩ mô, khắc phục tình trạng bất ổn định dài nhất kể từ khi Việt Nam tiến hành cải cách năm 1986. Những bất ổn ở thị trường quốc tế và chính sách điều tiết vĩ mô đã tác động tới cán cân thương mại hàng hoá của Việt Nam theo hướng bất lợi.

3. Thực trạng cán cân thương mại hàng hóa Việt Nam sau khi gia nhập WTO

Từ năm 2007 đến năm 2015 cán cân thương mại hàng hoá Việt Nam có ba giai đoạn: (i) giai đoạn 2007- 2011 cán cân thương mại thâm hụt, (ii) giai đoạn 2012 - 2014 cán cân thương mại thặng dư, (iii) năm 2015 cán cân thương mại thâm hụt.

Ngay sau khi gia nhập WTO, cán cân thương mại Việt Nam phải đối mặt với thâm hụt lớn do thuế nhập khẩu và các rào cản phi thuế của giảm xuống theo cam kết hội nhập của nước ta. Đặc biệt, năm 2008 nền kinh tế nước ta có mức độ thâm hụt thương mại cao nhất là -18,0287 tỷ USD, năm 2007 có mức thâm hụt hơn 14,203 tỷ USD. Mặc dù xuất khẩu hàng hóa tiếp tục phát triển trong năm 2007, hầu hết các thị trường lớn đều tăng so với năm trước nhưng tăng trưởng nhập khẩu nhanh hơn xuất khẩu dẫn đến cán cân thương mại rơi vào tình trạng thâm hụt (Hình 1). Năm 2009 và 2010 có mức thâm hụt đều trên 12 tỷ USD bắt nguồn từ giá nguyên liệu và các sản phẩm tiêu dùng thế giới đều tăng mạnh dẫn tới chi phí nhập khẩu tăng. Mức độ thâm hụt có năm chiếm tới khoảng 20% GDP của cả nước, đây là mức thâm hụt rất lớn, sẽ ảnh hưởng không tốt tới tiêu dùng và tích lũy trong dài hạn của nền kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào vốn đầu tư bên ngoài.

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu dẫn đến đình trệ sản xuất trong nước do ảnh hưởng của hạn chế tiêu dùng và bảo vệ thị trường ở những thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU. Do đó, xuất khẩu năm 2009 chỉ đạt khoảng 56,5 tỷ USD, giảm 9,9% so với năm 2008 do giá cả thế giới giảm (yếu tố giảm giá trong 9 tháng đầu năm làm giảm trên 6 tỷ USD giá trị xuất khẩu), khối lượng hàng hóa xuất khẩu tăng đáng kể nhưng giá trị xuất khẩu không tăng so với năm trước. Giá trị nhập khẩu năm 2009 đạt 67,5 tỷ USD, giảm 16,4% so với năm 2008, phản ánh những khó khăn của sản xuất trong nước do suy giảm kinh tế toàn cầu. Mặc dù cả kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đều giảm sút, nhưng do mức giảm kim ngạch xuất khẩu chậm hơn mức giảm kim ngạch nhập khẩu, nên nhập siêu còn khoảng 12 tỷ USD, chiếm 16,5% giá trị xuất khẩu. Như vậy, so với hai năm trước, mức độ thâm hụt cán

Bảng 1: Giá trị xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2015

Đơn vị: Triệu USD

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Xuất khẩu	48.561,4	62.685,1	57.096,3	72.236,7	96.905,7	114.529,2	132.032,9	150.000	162.400
Nhập khẩu	62.764,7	80.713,8	69.948,8	84.838,6	106.749,8	113.780,4	132.032,6	148.000	165.600
Tổng kim ngạch XNK	111.326,1	143.398,9	127.045,1	157.075,3	203.655,5	228.309,6	264.065,5	298	328.000
Cán cân thương mại	-14.203,3	-18.028,7	-12.852,5	-12.601,9	-9.844,1	748,8	0,3	2.000	-32.000
Cán cân thương mại/GDP (%)	-19,9	-20,1	-14,0	-12,4	-8,1	0,5	0	1,0	-1,5

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Bộ Công Thương và tính toán của tác giả

cán cân thương mại đã giảm đáng kể nhưng vẫn chiếm tới trên 14% GDP của cả nước.

Theo cam kết giảm thuế khi gia nhập WTO, các mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu vào Việt Nam sau năm 2007 được giảm thuế dẫn tới cả giá trị và tỷ trọng hàng tiêu dùng từ năm 2007 tăng rất mạnh. Mặt hàng nhập khẩu có biến động lớn trong giai đoạn này là ô tô, đặc biệt năm 2008 giá trị ô tô nhập khẩu tăng 68,3% so với năm trước. Năm 2009 kim ngạch nhập khẩu ô tô là 979 triệu USD, tăng 13% nhưng về số lượng xe lại tăng 50%. Nhập khẩu nhiều xe ô tô cá nhân vừa ảnh hưởng tới các khoản chi ngoại tệ quốc gia vừa ảnh hưởng tới hạ tầng giao thông còn hạn chế. Số liệu thống kê năm 2010 cho thấy thâm hụt cán cân thương mại hàng hoá vẫn ở mức cao -4,276 triệu USD, đã gây sức ép rất lớn lên tỷ giá. Nhập siêu cao và kéo dài trong nhiều năm,

làm sụt giảm nguồn dự trữ ngoại hối, tăng nợ quốc gia và gây sức ép giảm giá đồng nội tệ. Thâm hụt cán cân vãng lai lớn cùng với thâm hụt ngân sách cao, nợ công có xu hướng tăng nhanh sẽ trở thành những trở ngại lớn cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Cán cân thanh toán tổng thể của Việt Nam ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực trong năm 2011, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 96,3 tỷ USD, tăng 33% so với năm cùng kỳ 2010 trong khi tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 106,8 tỷ USD, tăng 24,7%. Thâm hụt cán cân thương mại vẫn xấp xỉ 10 tỷ USD, nhưng nhập khẩu có xu hướng tăng chậm lại so với hai năm trước trong khi xuất khẩu vẫn duy trì ở mức nhất định làm giảm nhập siêu, dẫn tới cán cân thương mại thấp hơn năm trước.

Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2012 đạt 114,6 tỷ USD, tăng 18,3% so với năm 2011. Khu vực kinh tế

Bảng 2: Cơ cấu hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2014

Đơn vị: %

	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Xuất khẩu								
Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản	34,4	37,0	30,9	31,0	35,8	42,1	45,0	44,3
Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp	42,6	39,8	44,8	46,1	41,6	37,8	37,8	38,6
Hàng nông sản	14,5	14,7	14,6	14,7	14,9	13,5	10,6	11,9
Hàng thủy sản	7,7	7,2	7,5	7,0	6,3	5,3	5,1	5,2
Nhập khẩu								
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng	28,6	28,0	31,6	29,6	29,6	35,1	38,2	37,6
Nguyên, nhiên, vật liệu	61,9	60,8	58,6	59,4	59,0	55,8	52,6	53,6
Hàng tiêu dùng	7,4	7,8	9,3	9,9	9,5	9,0	9,1	8,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê

trong nước đạt 42,3 tỷ USD, tăng 1,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 72,3 tỷ USD, tăng 31,2%. Kim ngạch xuất khẩu năm này tăng cao chủ yếu nhờ vào các mặt hàng xuất khẩu truyền thống như: điện tử, máy tính và linh kiện, hàng dệt may, giày dép... Đây là năm đầu tiên sau khi gia nhập WTO Việt Nam đạt được thặng dư cán cân thương mại, mở sang một giai đoạn thặng dư ngắn hạn 2012 - 2014. Trong năm 2012, cán cân thặng dư 0,748 tỷ USD và năm 2013 mức thặng dư thương mại tiếp tục đạt với con số 0,3 triệu USD.

Năm 2014, xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt tăng trưởng tốt. Cơ cấu các nhóm hàng xuất khẩu của Việt Nam có những chuyển dịch tích cực. Cụ thể, nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm tỷ trọng cao nhất 73,5% (tăng 1,6% so với cùng kỳ), theo sau lần lượt là nhóm hàng nông sản, thủy sản 14,8% (giảm 1% so với năm 2013) và nhóm hàng nhiên liệu khoáng sản 6% (giảm 1,2% so với năm trước). Tăng trưởng xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến đóng góp vai trò quan trọng trong tăng trưởng của cả nền kinh tế, mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện tiếp tục là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất (hơn 24 tỷ USD, chiếm 16% giá trị xuất khẩu).

Nhập khẩu năm 2014 tiếp tục phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất và xuất khẩu, đặc biệt nhập khẩu nhóm hàng không khuyến khích đã giảm. Điều này thể hiện việc điều hành kiểm soát nhập khẩu của các cơ

quan quản lý đã phát huy hiệu quả. Năm 2014 là năm thứ ba liên tiếp (kể từ sau khi gia nhập WTO năm 2007 đến nay), Việt Nam xuất siêu nhưng nền kinh tế cũng phải đối mặt với vấn đề nhu cầu nội địa thể hiện sức mua của thị trường trong nước đối với hàng tiêu dùng giảm). Những hạn chế dai dẳng mang tính cơ cấu trong xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam là tăng trưởng xuất khẩu cao vẫn chủ yếu ở những nhóm mặt hàng do khối các doanh nghiệp FDI sản xuất và là những mặt hàng sử dụng nhiều lao động và gia công hơn là những mặt hàng có giá trị gia tăng cao; nhập khẩu và xuất khẩu của khối doanh nghiệp FDI tăng hơn so với doanh nghiệp trong nước; tỷ lệ nhập khẩu lớn về nguyên, nhiên liệu, nhất là nguyên liệu gia công sản xuất... thể hiện tính gia công của nhiều ngành chế biến còn lớn, còn phụ thuộc nhiều vào thị trường cung cấp ở nước ngoài (Bảng 2). Đây là yếu tố tác động bất lợi tới nền kinh tế khi giá cả thế giới biến động sẽ ảnh hưởng chi phí sản xuất trong nước và giá hàng xuất khẩu.

Trong nửa đầu của năm 2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt hơn 158,6 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt 77,77 tỷ USD, tăng 9,3% và nhập khẩu đạt 80,84 tỷ USD, tăng 16,7% dẫn đến thâm hụt cán cân thương mại hàng hóa trong 6 tháng đầu năm 2015 ở mức 3,07 tỷ USD. Tuy nhiên, cuối năm 2015 nhập khẩu vẫn tăng mạnh dẫn tới cả

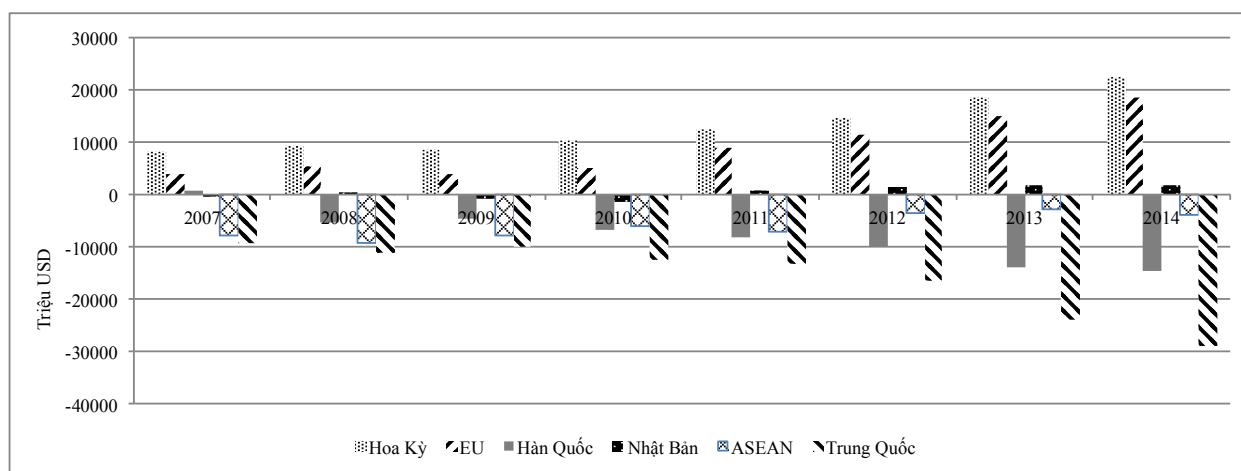
Bảng 3: Giá trị xuất nhập khẩu theo thị trường của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2014

Đơn vị: Triệu USD

	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Xuất khẩu								
Hoa Kỳ	10.104,5	11.886,8	11.407,2	14.238,1	16.955,4	19.665,2	23.852,5	28.644,3
EU	9.096,4	10.895,8	9.402,3	11.385,5	16.541,3	20.302,0	24.324,1	27.620,1
Hàn Quốc	1.243,4	1.793,5	2.077,8	3.092,2	4.866,7	5.580,9	6.682,9	7.143,6
Nhật Bản	6.090,0	8.467,8	6.335,6	7.727,7	11.091,7	13.064,5	13.544,2	14.692,9
ASEAN	8.110,3	10.337,7	8.761,3	10.364,7	13.656,0	17.426,5	18.584,4	19.118,3
Trung Quốc	3.646,1	4.850,1	5.403,0	7.742,9	11.613,3	12.836,0	13.177,7	14.930,9
Nhập khẩu								
Hoa Kỳ	1.700,5	2.646,6	2.710,5	3.766,9	4.529,2	4.826,4	5.223,8	6.296,8
EU	5.142,4	5.581,5	5.343,3	6.361,7	7.745,8	8.791,0	9.425,6	8.858,8
Hàn Quốc	5.340,4	7.255,2	6.707,6	9.757,6	13.175,9	15.535,4	20.677,9	21.763,2
Nhật Bản	6.188,9	8.240,3	6.836,4	9.016,1	10.400,7	11.602,1	11.558,3	12.925,8
ASEAN	15.908,2	19.567,7	16.461,3	16.407,5	20.910,2	20.820,3	21.287,1	22.971,9
Trung Quốc	12.710,0	15.973,6	15.411,3	20.203,6	24.866,4	29.035,0	36.886,5	43.710,6

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình 1: Cán cân thương mại hàng hóa Việt Nam với một số đối tác thương mại chính



Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả

năm nhập siêu 3,2 tỷ USD. Các mặt hàng công nghiệp chế biến và khai khoáng chiếm trên 85% giá trị hàng xuất khẩu, hàng nông lâm thủy sản chiếm gần 15%. Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu có sự chuyển dịch tích cực, những mặt hàng thô và sơ chế giảm cả về giá trị và tỷ trọng, mặt hàng linh kiện điện và điện tử, điện thoại ngày càng có vị trí quan trọng trong cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Xét về cơ cấu thị trường, trong thời kỳ 2007-2015 Việt Nam liên tục xuất siêu sang thị trường Hoa Kỳ và EU, giá trị xuất siêu năm sau đều cao hơn năm trước. Thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc - thị trường nhập siêu lớn nhất, giá trị nhập siêu từ nước này tăng rất nhanh trong những năm gần đây gồm cả hàng tiêu dùng và nguyên vật liệu.

Thị trường châu Á đóng vai trò quan trọng nhất với trên 62% giá trị xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam, Trung Quốc vẫn là nhà xuất khẩu số một vào thị trường nước ta trong những năm gần đây. Tính đến cuối năm 2015, Việt Nam nhập siêu từ Trung Quốc là 32,3 tỷ USD tăng 12,5% so với năm trước. Nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường Trung Quốc gồm máy móc, phụ tùng cho các ngành công nghiệp đến nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất của nhiều ngành xuất khẩu chủ lực như dệt may, da giày, linh kiện điện và điện tử... Đây là thị trường Việt Nam nhập siêu có giá trị lớn nhất. Thị trường nhập khẩu lớn thứ hai của nước ta là thị trường ASEAN, các doanh nghiệp trong nước cũng tìm kiếm nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất của mình từ các nước này. Đây cũng là thị trường cung cấp một lượng lớn hàng tiêu dùng cho Việt Nam từ đồ điện tử, điện lạnh đến ô tô và cả máy móc thiết bị. Việt

Nam có xu hướng nhập khẩu ngày càng nhiều từ thị trường ASEAN do thuế quan nội khối và các rào cản thương mại giảm mạnh trong những năm gần đây. Chính vì vậy, ASEAN đang đứng ở vị trí thứ hai về giá trị nhập siêu của nước ta. Thị trường Nhật Bản sau nhiều năm xuất siêu thì năm 2015 Việt Nam cũng nhập siêu 0,3 tỷ USD, đây là vấn đề cần xem xét kỹ lưỡng để có giải pháp phù hợp.

Như vậy, sau khi trở thành thành viên của WTO, cán cân thương mại hàng hoá Việt Nam có nhiều biến động bất nguồn từ những yếu tố nội tại lẫn môi trường quốc tế. Đánh giá về những yếu tố tác động tới cán cân thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2007 - 2015 vừa qua có thể kể ra một số yếu tố sau:

Kinh tế thế giới phục hồi chậm, tiêu dùng hàng hóa trên thị trường quốc tế chững lại đã tác động trực tiếp đến tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam; xu hướng bảo hộ mậu dịch gia tăng tại một số thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam điển hình là thị trường Hoa Kỳ và EU đã gây khó khăn cho xuất khẩu của Việt Nam vào các thị trường này.

Việt Nam đã chính thức là thành viên của WTO và đang trong giai đoạn thực hiện giảm thuế quan, các hạn chế thương mại cũng như mở cửa thị trường theo các cam kết quốc tế. Trong khoảng thời gian thực hiện cam kết kể từ khi gia nhập, mức thuế nhập khẩu trung bình của Việt Nam phải được cắt giảm từ 17,4% xuống còn 13,4% trong vòng 5-7 năm dẫn tới kim ngạch nhập khẩu tăng nhanh và còn có khả năng tăng nhanh hơn nữa khi Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết trong WTO. Nhu cầu về nhập khẩu cả tư liệu sản xuất thể hiện ở máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, nhu cầu nhập khẩu hàng tiêu

dùng, kể cả hàng tiêu dùng xa xỉ tăng lên vì một bộ phận dân cư cải thiện được thu nhập. Tất cả những yếu tố này dẫn tới tăng nhập khẩu, tăng thâm hụt cán cân thương mại hàng hoá.

Những biến động trên thị trường thế giới trong thời gian qua bất lợi đối với xuất khẩu của Việt Nam. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu đã làm giảm khá mạnh nhu cầu về hàng nhập khẩu của Việt Nam; đặc biệt là sự suy giảm mạnh của nền kinh tế Hoa Kỳ - bạn hàng thương mại lớn của Việt Nam làm giảm kim ngạch xuất khẩu. Giá hàng hóa xuất khẩu giảm mạnh gây ảnh hưởng đến giá trị xuất khẩu, cụ thể là sự giảm giá của mặt hàng nông sản và thủy sản. Đây là những mặt hàng có tỷ trọng lớn trong giá trị xuất khẩu của Việt Nam. Nhóm hàng chế biến, công nghiệp và thủ công nghiệp gặp phải tình trạng bị thu hẹp thị trường do nhu cầu thế giới suy giảm. Nhóm hàng nguyên liệu, khoáng sản điển hình là dầu mỏ gặp phải tình trạng khó khăn do tình trạng giảm giá, sản xuất đình đốn ở nhiều nước công nghiệp.

Nhóm hàng nhập khẩu chủ yếu là nhóm hàng máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng trên 90% tổng kim ngạch nhập khẩu có xu hướng tăng lên do phục vụ xuất khẩu cũng như thúc đẩy sản xuất - kinh doanh trong nước. Trong thời kỳ công nghiệp hóa ở các nước, tăng nhập khẩu máy móc thiết bị là yêu cầu cần thiết. Quá trình công nghiệp hóa ở nước ta đòi hỏi nhập khẩu một lượng lớn máy móc trang thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất trong điều kiện hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

Trong giai đoạn vừa qua, Việt Nam có xu hướng nhập khẩu nhiều hàng hoá và có thói quen thanh toán bằng đồng USD. Trong khi Hoa Kỳ thực hiện chính sách định giá đồng USD thấp so với EUR, JPY và các ngoại tệ khác... để tăng khả năng cạnh tranh sau cuộc khủng hoảng năm 2008. Yếu tố này dẫn tới hàng nhập khẩu của Việt Nam trở nên đắt hơn nếu tính bằng USD và thâm hụt thương mại vì thế cũng tăng lên.

Giá và lượng xuất khẩu của một số nông sản và khoáng sản giảm (dầu mỏ, cà phê...), các mặt hàng xuất khẩu chủ lực chủ yếu là các mặt hàng gia công, vì vậy giá trị gia tăng thấp. Các doanh nghiệp Việt chưa thực sự tham gia được vào chuỗi sản xuất và lưu thông sản phẩm của các tập đoàn đa quốc gia trong khu vực và thế giới. Trong bối cảnh kinh tế gặp khó khăn, tiêu thụ hàng hóa ở trong nước và

nước ngoài còn hạn chế đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp. Chính những điều này sẽ tạo ra những rào cản không nhỏ cho sự phát triển xuất nhập khẩu trong thời gian tới.

Nhiều ngành chế biến phục vụ xuất khẩu của Việt Nam còn mang nặng tính gia công. Thặng dư thương mại đạt được trong giai đoạn 2012 - 2014 do giảm nhập khẩu nguyên phụ liệu ở một số ngành sản xuất phục vụ xuất khẩu chứ không phải cơ cấu kinh tế có chuyên biến tích cực dẫn tới giảm phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu. Chỉ trong nửa đầu năm 2015 khi sản xuất phục hồi, nhập khẩu tăng mạnh và nhập siêu lại quay trở lại.

Như vậy, nhập khẩu của Việt Nam có xu hướng tăng mạnh sau khi nước ta trở thành thành viên của WTO. Mức độ tăng của xuất khẩu thường thấp hơn so với nhập khẩu dẫn tới thâm hụt cán cân thương mại hàng hoá nhiều năm chiếm tới gần 20% GDP. Yếu tố này ảnh hưởng rất lớn tới tích lũy và tăng trưởng của nước ta cả trong ngắn hạn và dài hạn. Thặng dư thương mại hàng hóa đạt được trong ba năm gần đây nhưng thiếu tính bền vững chính bởi cơ cấu kinh tế các ngành, mức độ cung ứng đầu vào cho các ngành sản xuất còn hạn chế. Do đó, ta cần có những giải pháp mang tính dài hạn để giải quyết vấn đề thâm hụt cán cân thương mại hàng hoá trong thời gian tới.

4. Một số giải pháp khắc phục thâm hụt cán cân thương mại hàng hóa Việt Nam trong thời gian tới

Mức độ thâm hụt cán cân thương mại hàng hoá như phân tích ở trên chịu tác động của yếu tố tỷ giá cũng như cơ cấu hàng xuất nhập khẩu. Vì vậy, vấn đề điều hành chính sách tỷ giá cần được xem xét như một giải pháp khắc phục tình trạng thâm hụt cán cân thương mại. Theo đó, chính sách tỷ giá cần được điều chỉnh linh hoạt theo hướng có lợi cho xuất khẩu, nhưng cũng cần bảo đảm để nhập khẩu không quá đắt. Mức độ điều chỉnh tỷ giá hợp lý sẽ phụ thuộc vào từng giai đoạn phát triển cụ thể vì xét về cả mặt lý thuyết lẫn thực tiễn thì điều chỉnh tỷ giá ảnh hưởng nhanh nhất tới sự vận hành của nền kinh tế. Hàng xuất khẩu của Việt Nam phụ thuộc vào phụ liệu nhập khẩu nên không thể thực hiện theo lý thuyết là phá giá tiền tệ để kích thích xuất khẩu. Nhiều mặt hàng xuất khẩu của ta có $E_{xk} < 1$ (là những mặt hàng thiết yếu đối với người mua nhập khẩu như: thủy sản, nông sản, da giày, dệt may...) thì phá giá tiền tệ không cải thiện được doanh thu từ

xuất khẩu (D. Salvatore, 1995). Trong khi đó những mặt hàng nhập khẩu cũng rất cần thiết phục vụ sản xuất trong nước và xuất khẩu cần giữ tỷ giá ở mức độ hợp lý để tránh ảnh hưởng tới sản xuất và giá cả trong nước.

Trong thời gian tới cần có thay đổi mang tính đột phá trong cơ cấu ngành - sản phẩm ở nước ta, giảm mức độ phụ thuộc vào nguyên liệu nước ngoài. Thực trạng xuất nhập khẩu ở nước ta thời gian vừa qua là thương mại tạo thương mại: tăng trưởng xuất khẩu phụ thuộc vào tăng nhập khẩu, gần 70% giá trị xuất khẩu có nguồn gốc là nguyên liệu nhập khẩu. Ngành công nghiệp phụ trợ chưa phát triển nên không đáp ứng được nhu cầu nhiều ngành sản xuất hàng xuất khẩu. Các doanh nghiệp Việt Nam chưa thực sự được hội nhập hoàn toàn vào chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu, thường là nơi lắp ráp cuối cùng với giá trị gia tăng rất thấp. Với thực trạng đó thì thâm hụt cán cân thương mại hàng hoá là khó tránh khỏi. Giải pháp mang tính lâu dài vẫn là thay đổi cơ cấu sản xuất trong nước, tạo sự kết nối giữa các doanh nghiệp ở các ngành khác nhau, phát triển công nghiệp phụ trợ để tăng giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, để có thể thực hiện được việc chuyển dịch cơ cấu danh mục hàng xuất nhập khẩu lại phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố vốn và công nghệ - hai yếu tố còn nghèo nàn của nền kinh tế Việt Nam. Điều này còn cộng hưởng với hiệu quả đầu tư thấp khiến cho quá trình phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu tại Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Để giải pháp này có thể phát huy hiệu quả cần có sự hỗ trợ cả về mặt chính sách và định hướng phát triển của Nhà nước, vì riêng một mình doanh nghiệp sẽ khó có thể thực hiện được.

Khi là thành viên WTO, Việt Nam phải cam kết không tăng thuế vượt mức đã cam kết đối với phần lớn các mặt hàng trong biểu thuế nhập khẩu. Cam

kết này được gọi là cam kết “ràng buộc thuế quan”. Trên thực tế, từ sau vòng đàm phán Uruguay, các thành viên WTO đã cam kết ràng buộc tới 98% đối với hàng công nghiệp và 100% đối với hàng nông nghiệp, số dòng thuế ngoại lệ là rất ít. Do đó, để vừa thực hiện đúng cam kết không tăng thuế, vừa đạt được mục tiêu điều tiết nhập khẩu, Việt Nam có thể áp dụng linh hoạt các rào cản phi thuế quan dành cho các nước đang phát triển trong quá trình chuyển đổi.

Hiện nay, để bù đắp cho thâm hụt thương mại Việt Nam vẫn trông chờ vào các nguồn là kiều hối, đầu tư nước ngoài trực tiếp và gián tiếp, ODA... Tuy nhiên, ngoại trừ kiều hối, dòng vốn ngoại gần đây có dấu hiệu sụt giảm mạnh, một phần do khủng hoảng tài chính thế giới khiến các nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn, một phần do những yếu kém, bất cập về môi trường đầu tư trong nước. Để có thể cạnh tranh thu hút vốn ngoại với các nước xung quanh, đòi hỏi Việt Nam cần tăng cường tính minh bạch, rõ ràng trong việc cung cấp thông tin về tài chính, thị trường, ổn định môi trường kinh doanh gây dựng niềm tin cộng đồng nhà đầu tư quốc tế.

Có thể nói, thâm hụt thương mại là vấn đề vĩ mô có ảnh hưởng tới thu nhập và ổn định của mỗi nước trong dài hạn. Muốn giải quyết vấn đề này đòi hỏi sự nỗ lực của Chính phủ, các ngành điều tiết tỷ giá thúc đẩy xuất khẩu, vận dụng linh hoạt các cam kết hội nhập để bảo vệ thị trường nội địa, đồng thời từng bước điều chỉnh cơ cấu sản xuất và xuất khẩu, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp để thu hút vốn trong và ngoài nước phục vụ yêu cầu phát triển. Với việc thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, thâm hụt cán cân thương mại hàng hoá sẽ từng bước được cải thiện, góp phần tạo ra sự phát triển ổn định, bền vững cho nền kinh tế. □

Tài liệu tham khảo

- Bộ Công Thương (2015), *Báo cáo tình hình sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại năm 2014 và kế hoạch năm 2015*.
- Chính Phủ (2011), *Nghị quyết số 11 NQ-CP về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội*, ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2011.
- Dự án hỗ trợ thương mại đa biên Mutrap (2009), *Phân tích thâm hụt thương mại của Việt Nam và các điều khoản về cán cân thanh toán của WTO*.
- D. Salvatore (1995), *International Economic*, Prentice Hall, Page 332-338.
- Tổng cục Thống kê (2015), truy cập ngày 15 tháng 7 năm 2016, từ <<https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=720>>.